

HỢP TÁC NĂNG LƯỢNG GIỮA BA NƯỚC NGA - NHẬT - TRUNG Ở KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á

HỒ CHÂU*

Kinh tế càng phát triển, năng lượng càng trở thành vấn đề chiến lược có tính sống còn đối với mỗi quốc gia. Vì vậy, “an ninh năng lượng” đang nổi lên và thu hút sự quan tâm của thế giới. Ngoại giao năng lượng đã cuốn tâm lực của các nước lớn ngay từ những năm đầu thế kỷ XXI. Chính sách năng lượng của các nước đang có ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ địa - chính trị quốc tế. Tại khu vực Đông Bắc Á, hai nền kinh tế lớn là Nhật Bản và Trung Quốc đang đứng trước tình trạng thiếu năng lượng nghiêm trọng. Mấy năm gần đây, hai nước này không những chưa thể hợp tác được trong lĩnh vực năng lượng mà còn cạnh tranh nhau khá gay gắt. Bài viết này sẽ tập trung phân tích mối quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh trong vấn đề năng lượng giữa ba nước Nga - Nhật - Trung Quốc hiện nay.

Phản ứng của Nga, Nhật, Trung Quốc trước những thay đổi của tình trạng năng lượng quốc tế hiện nay:

Bước vào thế kỷ XXI, tình hình năng lượng quốc tế đã có nhiều biến đổi. Trước thực trạng đó, dù nước xuất khẩu hay nhập khẩu năng lượng cũng đều phải thay đổi, tìm kiếm chiến lược năng lượng thích hợp cho riêng mình. Trong bối cảnh đó, Nhật Bản và Trung Quốc cạnh tranh nhau quyết liệt trong

vấn đề xây dựng đường ống dẫn dầu tại vùng Xibêri - Viễn Đông của Nga. Tình hình năng lượng quốc tế hiện nay có thể thấy nổi lên mấy đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, sau các sự kiện 11/9, chiến tranh Ápganixtan và Irắc, giá dầu liên tục leo thang trở thành nhân tố địa - chiến lược buộc các nước phải điều chỉnh chiến lược năng lượng.

Thứ hai, nguồn cung cấp năng lượng ngày càng có xu hướng đa dạng hoá. Lượng dầu ngoài tổ chức OPEC đang ngày càng tăng nhanh. Vào những năm 50 - 60 của thế kỷ XX, mới chỉ có hơn 20 quốc gia sản xuất dầu, đến những năm 80, con số này đã lên đến 30, thập niên 90, hơn 50 quốc gia đã tham gia sản xuất dầu. Hiện nay, Nga, vùng Trung Á, vùng Tây Phi sản lượng dầu đã tăng đáng kể, làm cho bức tranh cung cấp năng lượng đa dạng lên rất nhiều. Riêng Nga lượng dầu đã tăng nhanh từ 1999 đến 2004 sản lượng đã đạt 8,8 triệu thùng/ngày, tăng 10% so với năm 2003 và 40% so với năm 1998. Đến năm 2003, Nga trở thành nước sản xuất dầu khí lớn thứ 2 thế giới, chỉ sau Ả rập Xê Út. Vị thế của Nga trở thành nổi bật trên thị trường năng lượng thế giới.

Thứ ba, do rất nhiều nguyên nhân, giá dầu thế giới liên tục tăng cao chưa có điểm dừng. Lần khủng hoảng đầu tiên, giá từ 3,11 USD/thùng tăng lên 11,65 USD/thùng. Lần

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Chính trị và Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

tăng đột 2, từ 13,34USD/thùng vọt lên 43 USD/thùng. Sau đó có giảm chút ít, nhưng trên cơ bản vẫn là xu hướng tăng. Sau sự kiện 11/9, giá dầu lại bước sang đợt tăng mới, đến giữa tháng 8/2006, thị trường dầu ở Niu Yoóc, Luân Đôn đều đã đột phá 73 USD/thùng.

Thứ tư, trung tâm tiêu thụ năng lượng đã chuyển sang khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Những thập niên 1970 đến 2000 lượng dầu tiêu thụ ở Bắc Mỹ, Châu Âu, các nước thuộc Liên Xô cũ chiếm lần lượt là 36,7%, 27,2% và 15,6% của thế giới giảm xuống còn 30,1%, 20,8% và 10,5%. Trong lúc đó, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương từ 14,7% tăng lên 26,9% (tức là tăng đến 12,2% trong khi khu vực Mỹ Latinh, Trung Đông và Châu Phi chỉ tăng có 6%).

Tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, hai nước Nhật Bản và Trung Quốc luôn luôn gắn chặt với Nga trong chiến lược hợp tác năng lượng.

Nhu cầu năng lượng phục vụ cho nền kinh tế đang lên của Trung Quốc ngày càng lớn. Bắt đầu từ năm 1993, Trung Quốc đã từ nước xuất khẩu trở thành nước nhập khẩu năng lượng với mức tăng nhanh nhất thế giới. Năm 2002, nước này đã nhập 71,8 triệu tấn, chiếm 30% lượng tiêu thụ trong nước. Năm 2003, Trung Quốc vượt Nhật Bản, trở thành quốc gia tiêu thụ xăng dầu đứng thứ 2 thế giới (chỉ sau Mỹ) với số lượng lên đến 5,36 triệu thùng, 32% nhu cầu dầu của Trung Quốc phải lệ thuộc bên ngoài. Năm 2004, Trung Quốc nhập 110 triệu tấn, chiếm gần 50% nhu cầu trong nước. Yêu cầu ổn định nguồn cung cấp năng lượng buộc Trung Quốc phải

tăng cường hợp tác quốc tế hiện nay đã trở thành đề tài cấp bách đối với quốc gia khổng lồ này.

Nhật Bản là nước nghèo tài nguyên, nguồn dầu khí cũng không ngoại lệ. Cho nên, việc phụ thuộc nguồn năng lượng từ bên ngoài là rất lớn. Trước năm 1979, 99,9% năng lượng phục vụ cho công nghiệp phải dựa vào nước ngoài, trong đó 88,8% nhập từ khu vực Trung Đông. Sau 2 đợt khủng hoảng năng lượng, buộc Nhật Bản phải chú trọng chính sách tiết kiệm, dự trữ xăng dầu và tìm cách đa dạng hoá nguồn cung cấp năng lượng cho mình. Năm 2003, trong tổng thể năng lượng của Nhật, tỉ trọng xăng dầu đã giảm từ 73,4% (năm 1975), xuống còn 51,1%. Nhật Bản đã từng bước tìm kiếm nhiều nguồn cung cấp dầu thay vì chỉ dựa vào Trung Đông bằng việc hợp tác với Nga, Châu Phi, Đông Nam Á, Nam Mỹ v.v...

Trong khi Trung Quốc và Nhật Bản phải lao đao đi tìm kiếm nguồn cung cấp năng lượng thì nước Nga bên cạnh lại có nguồn dầu khí phong phú cả trên đất liền lẫn ngoài biển, với tổng diện tích lên đến 12,9 triệu km² trên đất liền, ngoài biển khơi của Nga có dầu khí. Tổng lượng dầu khí đã thăm dò, xác định là từ 7 đến 10 tỉ tấn, chiếm khoảng 8 - 13% thế giới. Trong đó, trữ lượng đã xác định xếp thứ 6 thế giới, riêng khí thiên nhiên đứng hàng đầu. Tuy nhiên, Nga muốn biến tiềm năng to lớn này thành hiện thực, cần có nguồn vốn rất lớn và thời gian khá dài (khoảng 8 - 10 năm) để thực hiện.⁽¹⁾ Vì vậy, năm 2003, Nga đã hoạch định "chiến lược năng lượng đến 2020", coi năng

⁽¹⁾ [Http: www.Studytimes.com.vn/Chinese/zhuanti/xxsb/542908.htm](http://www.Studytimes.com.vn/Chinese/zhuanti/xxsb/542908.htm).

lượng là cơ sở để phát triển kinh tế và là công cụ trong chính sách đối ngoại của mình.

Trong bối cảnh “khát” năng lượng cho nền kinh tế như hiện nay, hai nước Nhật Bản và Trung Quốc đều có nhu cầu và mong muốn hợp tác với Nga trên lĩnh vực này. Hiện nay, phía Nga đang rất thiếu vốn cũng như lao động để có thể khai thác tài nguyên của họ. Nhưng chính sự thiếu hụt đó lại ẩn chứa khả năng hợp tác bổ sung tay 3 tại khu vực này. Hợp tác tay đôi (Nga - Trung hay Nga - Nhật) hoặc hợp tác tay 3 Nga - Nhật - Trung cũng đều có khả năng xảy ra. Tuy nhiên, khả năng hợp tác tay 3 là khó khăn hơn, vì quan hệ Trung - Nhật nghiêng về cạnh tranh hơn là hợp tác. Điều này cũng đã diễn ra trong quá trình xây dựng các tuyến đường ống dẫn dầu trong khu vực.

Nổi bật nhất là cạnh tranh giữa Nhật Bản và Trung Quốc trong việc xây dựng tuyến đường ống từ Angascơ đến Đại Khánh (Đông Bắc Trung Quốc) hay từ Angascơ đến Nakhótca (một cảng gần Vladivôxtốc của Nga).

Phía Trung Quốc cho rằng tuyến đường ống Angascơ (thuộc Xibêri của Nga) đến Đại Khánh chỉ dài có 2400 km là tuyến tối ưu, có lợi cho cả hai bên.

Tháng 11/1994, chính Tổng thống B. Enxin đề xuất xây dựng tuyến đường ống này. Đến tháng 4/1996 hai bên chính thức ký Hiệp định hợp tác cụ thể hoá các hạng mục để triển khai xây dựng đường ống này. Ngày 17 tháng 7 năm 2001, Chủ tịch Giang Trạch Dân thăm Nga cũng đã khẳng định lại nội dung này. Đến tháng 9/2001, Thủ tướng Chu Dung Cơ thăm Nga, hai bên đã xác định vốn đầu tư cho tuyến đường ống này là 2,5 tỉ USD, giai đoạn 1 sẽ hoàn thành vào năm 2005. Phía Nga góp vốn là

1,7 tỉ USD để hoàn thành đoạn ống trên địa phận Nga, còn phía Trung Quốc tự hoàn thành đoạn còn lại dài 800 km trong lãnh thổ Trung Quốc. Trong thời gian 25 năm sau đó, Nga sẽ cung cấp 700 triệu tấn dầu thô cho Trung Quốc với giá thành khoảng 150 tỉ USD. Đến tháng 12/2002, Tổng thống Nga Putin thăm Trung Quốc cũng đã khẳng định tầm quan trọng của hợp tác năng lượng song phương. Tuy nhiên, vào thời điểm công trình chuẩn bị triển khai thì tháng 12/2002, phía Nhật Bản đề xuất với Nga muốn hợp tác xây dựng tuyến ống dẫn dầu từ Angascơ đến cảng Nakhótca (thuộc khu vực Vladivôxtốc) dài 3765 km. Mấy lý do phía Nhật Bản đưa ra là: 1. Toàn bộ tuyến đường ống nằm trên địa phận của Nga, Nga hoàn toàn có quyền chủ động khống chế nó. 2. Tuyến đường này sẽ giúp rất nhiều trong việc phát triển vùng Viễn Đông của Nga. 3. Điểm cuối của đường ống là cảng Nakhótca sẽ giúp Nga xuất dầu cùng lúc cho các nước Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Tháng 1/2003, Nhật - Nga đã ký kết kế hoạch hợp tác năng lượng song phương, Nhật Bản hứa sẽ nhập của Nga 1 triệu thùng/ngày và cấp khoản tín dụng 5 tỉ USD, giúp Nga khai thác và xây dựng đường ống cũng như phát triển kinh tế Viễn Đông của Nga.

Nhưng cái khó của Nga là đã ký kết hợp tác với Trung Quốc trước đó. Để dung hoà mâu thuẫn này, phía Nga quyết định kết hợp 2 tuyến đường ống này thành một, tức là trên tuyến đường từ Angascơ đến Nakhótca sẽ tách một nhánh sang Đại Khánh (của Trung Quốc). Phương án này bị Nhật Bản khước từ. Để thuyết phục Nga, Nhật Bản đã nâng khoảng viện trợ lên 7,5 tỉ USD, giúp Nga phát triển

vùng Viễn Đông. Chưa dừng lại ở đó, nhiều công ty Nhật còn hứa sẽ đầu tư vào 2 giếng dầu Sakhalin - 1 và Sakhalin-2 của Nga với nguồn vốn lên đến 8 tỉ USD. Với nguồn đầu tư lớn như vậy của Nhật Bản đã buộc Nga phải tính toán lại. Tháng 12/2003, Tổng thống Putin thăm Trung Quốc vẫn khẳng định phát triển hợp tác năng lượng với Trung Quốc, nhưng không phải là triển khai tuyến đường ống Angascơ - Đại Khánh.

Trong cuộc cạnh tranh gay gắt này cả Nhật Bản lẫn Trung Quốc đều đã đẩy khoảng viện trợ đầu tư vào Nga lên rất cao. Phía Nhật Bản đã đưa khoảng viện trợ lên con số 12 tỉ USD, còn Trung Quốc cũng đã hứa chi 6 tỉ USD, nhưng không bên nào giành phần thắng, cho dù phía Nhật Bản có lợi hơn, nhưng vẫn không thuyết phục được Nga.

Trước cuộc tranh chấp Nhật - Trung gay gắt như vậy, Nga muốn cân bằng quan hệ với hai nước này. Tháng 6/2004, Bộ Công nghiệp và Năng lượng Nga đưa ra giải thích rằng cả 2 phương án trên đều chưa thông qua Quốc hội nên chưa có giá trị pháp lý. Bộ này đưa ra phương án mới cho rằng phương án này khả thi hơn. Tháng 12/2004, Nga đưa ra đề án "1737-P", xác định sẽ xây dựng tuyến ống dẫn dầu từ Taisat đến Nakhótca bằng nguồn vốn của các công ty Nga và tháng 5/2005, Chính phủ Nga chính thức phê duyệt phương án xây dựng tuyến đường ống Ttaisát - Nakhótca, chấm dứt thời kỳ cạnh tranh kéo dài giữa Trung Quốc và Nhật Bản xung quanh tuyến đường ống vùng Viễn Đông của Nga.

Tuy cuộc cạnh tranh về xây dựng đường ống dẫn dầu đã được xác định, nhưng cạnh tranh năng lượng ở khu vực Đông Bắc Á vẫn chưa hề chấm dứt. Đầu năm 2005, Bộ Công

ngiệp và năng lượng Nga đã ký Hiệp định xuất 48 triệu tấn dầu cho Trung Quốc và Trung Quốc cũng đã đồng ý cho Nga vay khoản tín dụng 6 tỉ USD. Đổi lại Nga hứa sẽ ưu tiên xây dựng nhanh đường ống sang Trung Quốc trên trục đường Taisat-Nakhótca. Đến tháng 4/2005 phía Nga thông báo đã tập hợp đủ khoản tiền 8 tỉ USD để xây dựng tuyến Taisat-Nakhótca, không cần phải vay của Nhật Bản nữa. Giai đoạn đầu, tuyến đường ống này sẽ thi công kéo dài đến còn cách biên giới Trung Quốc có 70 km, giai đoạn này sẽ kết thúc vào cuối năm 2008.

Đứng trước nguy cơ bị đẩy "ra rìa cuộc chơi", tháng 7/2005 phía Nhật Bản đã nâng khoảng tín dụng cho Nga lên 9 tỉ USD, ngoài ra còn đầu tư bổ sung 12 tỉ USD nữa, đổi lại Nhật Bản yêu cầu Nga phải ưu tiên cho việc xây dựng tuyến ống chính (Taisat-Nakhótca). Tuy nhiên, trong chuyến thăm Bắc Kinh tháng 7/2005, Tổng thống Putin vẫn khẳng định ưu tiên cho tuyến đường ống xuyên Xibêri sang hướng Trung Quốc rồi sau đó mới kéo dài sang cảng Viễn Đông để cung cấp dầu cho Nhật Bản. Sau khi hoàn thành tuyến ống chính giai đoạn 1, mỗi năm Nga có thể xuất được 30 triệu tấn, 2/3 trong số đó (20 triệu tấn) là xuất cho Trung Quốc, 10 triệu tấn còn lại sẽ vận chuyển đến bờ Thái Bình Dương bằng tàu hoả. Như vậy là Nga đã tỏ rõ lập trường ủng hộ Trung Quốc trong vấn đề này.

Tại sao lại có sự cạnh tranh năng lượng tại khu vực Đông Bắc Á?

Trước hết, hiện nay cả hai nước Nhật, Trung Quốc đều đang thiếu năng lượng cho phát triển nền kinh tế khổng lồ của mình.

Trung Quốc nhìn thấy vấn đề này từ năm 1992 nên đã nêu chiến lược “hai thị trường”, tức là kết hợp cả nguồn trong nước lẫn thị trường bên ngoài để bù đắp thiếu hụt năng lượng cho mình. Còn Nhật Bản thì ngay từ sau cuộc khủng hoảng năng lượng những năm 70 của thế kỷ trước, Nhật Bản đã chủ trương “đa dạng hoá nguồn cung cấp năng lượng”.

Vào thời kỳ đó, Liên Xô là mục tiêu đầu tiên mà Nhật Bản nhắm tới ngoài khu vực Trung Đông. Cả Trung Quốc và Nhật Bản đều tìm kiếm chiến lược phục vụ lợi ích riêng của mỗi nước. Nhưng điểm giống nhau là đều hướng vào thị trường Nga. Nga là quốc gia giàu tài nguyên, đặc biệt là dầu khí, cho nên Nhật, Trung không hèn mà gặp và trở nên cạnh tranh ở đây cũng là điều dễ hiểu. Xét dưới góc độ an ninh năng lượng, có thể thấy rõ, hiện nay lượng dầu nhập khẩu của Nhật Bản chủ yếu từ khu vực Trung Đông. Nhật Bản phải nhập binh quân 4,3 triệu thùng/ngày, trong đó: các Tiểu vương quốc Ả rập chiếm 24%, Ả rập Saudi chiếm 23%, Iran 13%, Quata 10%, Cô Oét 7%, Ô man 6%, các nước khác 17%. Nếu chiếm lĩnh được thị trường Nga với 1 triệu thùng thì Nhật Bản có thể giảm đến 65% lệ thuộc vào Trung Đông, nâng cao hệ số an toàn cho Nhật Bản rất lớn.

Xét dưới góc độ kinh tế, vận chuyển dầu từ Nga sẽ rẻ hơn nhiều, điều này có tác động rất lớn đến nâng cao hiệu quả kinh tế, khả năng cạnh tranh cũng được tăng mạnh.

Đối với Trung Quốc, những vấn đề an ninh năng lượng, an ninh kinh tế mà Nhật Bản phải đối mặt thì Trung Quốc cũng

không nằm ngoài. Hiện nay, Trung Quốc cũng phụ thuộc rất lớn vào thị trường xăng dầu từ Trung Đông. Đường vận chuyển vừa xa, vừa luôn bị đe dọa về an ninh nên Trung Quốc cũng rất lo ngại. Đó là những lý do khiến cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản khát khao thị trường năng lượng của Nga.

Vì lợi ích của mỗi quốc gia, cuộc cạnh tranh năng lượng giữa các nền kinh tế lớn tại khu vực Đông Bắc Á chưa chấm dứt. Các nền kinh tế ở đây lệ thuộc vào nhau rất sâu sắc. Một nền kinh tế nào gặp khó khăn không thể không ảnh hưởng đến nước khác. Vì vậy, trong cạnh tranh, họ vẫn rất thận trọng, cố gắng cân bằng lợi ích với các nước khác. Đó là điều rất cần thiết hiện nay mà cả 3 nước Nga - Nhật - Trung đều hiểu rõ trong chiến lược năng lượng tại khu vực Đông Bắc Á./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trôiixki.A.A, “Về chiến lược năng lượng của Nga đến năm 2020.
2. Khricencô, Khả năng nhánh đường ống dẫn dầu phía Đông đến Trung Quốc vẫn hiện hữu.
3. Những điểm cơ bản trong chiến lược năng lượng của Nga đến 2020.
4. <http://www.Chinairn.Com/readnews.asp>.
5. <http://www.Studytimes.Com.vn/Chinese/Zhuanti/xsb/542908.htm>.
6. China's Foreign Affairs 2006.12.